



VN-Index tăng 0,9%

Ngày báo cáo 5/10/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,9%

VN-Index tăng 0,9% (+15,5 điểm) trong phiên thứ Hai, đóng cửa tại 1.753,2 điểm. Đà tăng này đánh dấu sự phục hồi sau 5 phiên giảm liên tiếp. Toàn sàn ghi nhận 169 mã tăng, 159 mã giảm và 49 mã đi ngang. Thanh khoản giảm đáng kể so với phiên trước, đạt 13,5 nghìn tỷ đồng.

- Các công ty công nghiệp diễn biến tích cực, với GEE (+4,1%), GEX (+1,3%), GEL (+1,8%), VGC (+1,5%) và PVT (+3,1%) tăng mạnh.
- Ở nhóm ngân hàng, LPB (+7,0%) tăng mạnh, trong khi HDB (-1,4%), BID (-0,6%), STB (-0,6%) và ACB (-0,5%) giảm.
- Một số cổ phiếu dịch vụ tài chính giảm, bao gồm VPX (-2,1%), TCX (-0,4%), VCK (-0,4%), SSI (-0,3%) và HCM (-0,4%).
- Các mã tăng/giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm các công ty bất động sản VIC (+3,6%) và NVL (+1,0%), các cổ phiếu tiêu dùng FRT (+2,9%), MWG (+1,6%), VPL (-1,6%) và HVN (-1,0%), nhà sản xuất thép HPG (+2,2%) và công ty tiện ích REE (-2,1%).

Điểm tin

- Tăng trưởng GDP quý 3/2026 đạt gần 10%, mức quý 3 cao thứ hai kể từ năm 2011
- Doanh thu sơ bộ quý 3/2026 của DGW tăng 46% YoY lên mức kỷ lục, với tăng trưởng ở khắp các mảng
- DMX: Tổng Giám đốc hoàn tất mua 732.000 cổ phiếu
- DMX: House of Future đem làn sóng công nghệ mới nhất đến Việt Nam
- NLG: Cập nhật thêm về Thông báo Kết luận Thanh tra số 3451/TB-TTCP của Thanh tra Chính phủ

Báo cáo trong ngày

- VVS: Tiếp tục hưởng lợi từ chu kỳ tăng trưởng thị trường xe tải - Báo cáo Công ty

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.753,2	269,6	125,5
% Δ	0,9%	1,1%	-0,4%
- % Δ 1 tuần	-1,5%	-0,6%	0,4%
- % YTD	-1,8%	7,6%	3,9%
- % YOY	6,5%	1,5%	15,1%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	520,4	46,6	15,1
- TB 1 tháng (triệu)	628,7	27,8	26,1
- TB 1 năm (triệu)	933,6	57,0	24,8
- TB QTD	617,9	31,5	60,3
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-6,8%	-8,3%	261,6%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	45,0	0,6	0,2
- Bán (triệu)	55,9	0,6	0,2
- GT ròng (triệu)	-10,8	-0,0	-0,1
Độ rộng TT			
Mã tăng	172	68	102
Mã giảm	164	71	151
Không đổi	95	162	597
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	327,2	17,9	50,3
P/E trượt 12T	12,0	10,1	13,8
LS cổ tức*	3,0%	5,3%	2,6%
Giao dịch	Giá	KL	GTGD
Phái sinh		mở cửa	(tr USD)
VN30F1M	1.900,1	38.043	1.569,62
VN30F2M	1.902,0	1.484	2,61
VN30F1Q	1.902,5	736	0,39
VN30F2Q	1.893,1	333	0,24
VN100F1M	1.793,0	126	0,62
VN100F2M	1.778,5	6	0,18
VN100F1Q	1.792,1	39	1,41
VN100F2Q	1.786,0	20	0,01
USD/VND	25.987		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index hồi phục trên thanh khoản thấp và đã tăng bị giới hạn tại vùng 1.760 điểm, cho thấy nhịp tăng hiện tại chủ yếu mang tính kỹ thuật. Trong phiên 06/10, khu vực 1.760 điểm sẽ tiếp tục đóng vai trò kháng cự và chưa thể loại trừ khả năng chỉ số thoái lui trở lại vùng 1.730 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

Tăng trưởng GDP quý 3/2026 đạt gần 10%, mức quý 3 cao thứ hai kể từ năm 2011

Theo Cục Thống kê (CTK), so với cùng kỳ năm trước, GDP của Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng 9,95% trong quý 3/2026 (quý 3/2025: +8,13%) – mức tăng trưởng quý 3 cao thứ hai kể từ khi chúng tôi ghi nhận dữ liệu từ năm 2011 (chỉ xếp sau mức tăng 14,38% trong quý 3/2022). Tốc độ này đưa tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm (9T 2026) lên mức 9,01% (9T 2025: +7,80%), cũng là mức cao thứ hai (sau mức tăng 9,44% trong 9T 2022) kể từ năm 2011. Cả 3 khu vực kinh tế chính đều ghi nhận kết quả tích cực:

* **Khu vực công nghiệp và xây dựng** là động lực lớn nhất của nền kinh tế, ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất ở mức 12,50% trong quý 3/2026 (quý 3/2025: +9,45%) và 11,21% trong 9T 2026 (9T 2025: +8,80%). Đây là mức 9T cao nhất của khu vực này kể từ năm 2011, đóng góp 49,6% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

* Trong khi đó, **khu vực dịch vụ** xếp thứ hai, tăng 9,54% trong quý 3/2026 (quý 3/2025: +8,46%) và 8,69% trong 9T 2026 (9T 2025: +8,39%), đóng góp 45,0%.

* Bên cạnh đó, **khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản** tăng trưởng vững chắc ở mức 4,21% trong quý 3/2026 (quý 3/2025: +3,71%) và 4,02% trong 9T 2026 (9T 2025: +3,82%), đóng góp 5,4% còn lại.

Các chỉ tiêu kinh tế chính khác tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khả quan:

* **Sản xuất công nghiệp:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục tăng mạnh 16,7% trong tháng 9 (tháng 9/2025: +12,7%), đưa tăng trưởng IIP 9T 2026 lên 12,3% (9T 2025: +9,0%). IIP chủ yếu được hỗ trợ bởi IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng mạnh 12,9% trong 9T 2026 (9T 2025: +10,3%).

* **Bán lẻ:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng mạnh 14,1% trong tháng 9 (tháng 9/2025: +11,7%). Điều này đưa tăng trưởng bán lẻ 9T 2026 lên 13,4% (9T 2025: +9,8%). Trong đó, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú & ăn uống, và du lịch lữ hành lần lượt tăng 12,8%, 16,7% và 17,9%.

* **Du lịch:** Lượng khách quốc tế đạt 1,8 triệu lượt trong tháng 9 (+16,1%), nâng tổng số lượt khách trong 9T 2026 lên 17,7 triệu lượt (+14,5%).

* **Thương mại:** Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tháng 9 tiếp tục lập các mốc kỷ lục cao, tăng lần lượt 39,1% và 45,8% lên 59,5 tỷ USD và 58,2 tỷ USD, ghi nhận mức thặng dư thương mại 1,3 tỷ USD – tháng xuất siêu đầu tiên trong 10 tháng qua. Trong 9T 2026, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt đạt 434,3 tỷ USD (+24,5%) và 453,7 tỷ USD (+36,7%), với thâm hụt thương mại ở mức 19,4 tỷ USD, đảo chiều so với mức thặng dư 16,9 tỷ USD ghi nhận trong 9T 2025.

* **Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):** Trong tháng 9, vốn FDI đăng ký tăng vọt lên 9,7 tỷ USD (gấp 4,1 lần), mức cao thứ hai theo tháng trong hơn 8 năm qua (chỉ thấp hơn mức 9,8 tỷ USD trong tháng 06/2026) – trong khi vốn FDI thực hiện (giải ngân) tăng 12,4% lên 3,8 tỷ USD, mức cao nhất theo tháng tính từ đầu năm. Trong 9T 2026, vốn FDI đăng ký tiếp tục lập mức cao kỷ lục, tăng 76,4% lên 50,4 tỷ USD trong khi vốn FDI giải ngân tăng trưởng mạnh 12,1% lên mức 21,1 tỷ USD.

* **Ngân sách Nhà nước:** Thu ngân sách Nhà nước trong 9T 2026 đạt 2.187 nghìn tỷ đồng (+12,1%), hoàn thành 86,5% dự toán cả năm. Trong khi đó, chi ngân sách Nhà nước tăng 14,5% lên 1.874 nghìn tỷ đồng (đạt 59,3% kế hoạch năm). Điều này khiến thặng dư ngân sách đạt 314 nghìn tỷ đồng (9T 2025: 291 nghìn tỷ đồng). Đáng chú ý, chi đầu tư phát triển tăng mạnh 49,3% lên mức 658 nghìn tỷ đồng, đạt 58,7% kế hoạch năm (so với mức trung bình 44,2% của giai đoạn 2021–2025).

* **Lạm phát:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,62% so với tháng trước và tăng 5,08% so với năm trước trong tháng 9, đưa CPI bình quân 9T 2026 lên 4,52% (9T 2025: 3,27%).

Nhìn chung, dữ liệu kinh tế quý 3 phác họa một bức tranh tăng trưởng ấn tượng, với tăng trưởng GDP đạt gần 10,0% và tăng trưởng 9T đạt 9,0%, được hỗ trợ bởi đà tăng trưởng khả quan ở các khu vực chính cùng hoạt động đầu tư mạnh mẽ, đặc biệt là đầu tư công. Các chỉ tiêu kinh tế then chốt khác cũng duy trì tích cực, bao gồm công nghiệp chế biến chế tạo, FDI, bán lẻ và du lịch. Kết quả 9T khả quan tạo nền tảng vững chắc cho đà tăng trưởng cả năm. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu tăng trưởng hai chữ số của Chính phủ, quý 4 cần phải ghi nhận mức tăng trưởng mạnh hơn, đồng thời áp lực lạm phát và đà gia tăng của thâm hụt thương mại cũng cần được theo dõi sát sao.

Doanh thu sơ bộ quý 3/2026 của DGW tăng 46% YoY lên mức kỷ lục, với tăng trưởng ở khắp các mảng

* **Quý 3/2026:** CTCP Thế Giới Số (DGW) công bố doanh thu sơ bộ quý 3/2026 đạt 10.757 tỷ đồng (+46% YoY), với tăng trưởng trên tất cả các mảng:

- **Thiết bị văn phòng:** Doanh thu đạt 3.033 tỷ đồng (+101% YoY), được hỗ trợ bởi nhu cầu đối với hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số, máy chủ, thiết bị mạng và các giải pháp liên quan đến AI.

- **Điện thoại di động:** Doanh thu đạt 2.771 tỷ đồng (+42% YoY), nhờ các sản phẩm mới ra mắt của Xiaomi và Apple, cùng với giá bán bình quân cao hơn.

- **Laptop & máy tính bảng:** Doanh thu đạt 3.834 tỷ đồng (+20% YoY), nhờ mùa tựu trường và giá bán bình quân cao hơn.

- **Thiết bị gia dụng:** Doanh thu tăng 22% YoY, được hỗ trợ bởi nhu cầu nâng cấp các thiết bị gia dụng thông minh và hiện đại.

- **Hàng tiêu dùng:** Doanh thu tăng 32% YoY.

- **Vật tư công nghiệp:** Doanh thu đạt 330 tỷ đồng (+146% YoY). Đây là mảng kinh doanh mới, bao gồm doanh thu từ thiết bị bảo hộ lao động hiện hữu (trước đây thuộc mảng thiết bị văn phòng) với mảng dầu nhờn mới. DGW bắt đầu ghi nhận doanh thu từ đầu nhờn Shell từ quý 3/2026.

* **Tháng 9/2026:** Doanh thu sơ bộ đạt hơn 3.700 tỷ đồng (+30% YoY).

* **9T 2026:** Doanh thu sơ bộ đạt 26,5 nghìn tỷ đồng (+42% YoY; hoàn thành 82% dự báo cả năm của chúng tôi). Kết quả cao hơn kỳ vọng, đặc biệt ở các mảng laptop & máy tính bảng, thiết bị văn phòng và hàng tiêu dùng. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo cả năm.

* **Triển vọng quý 4/2026:** DGW kỳ vọng doanh thu tiếp tục được hỗ trợ bởi các sản phẩm điện thoại mới ra mắt, nhu cầu nâng cấp sản phẩm CNTT, mùa mua sắm cuối năm, cũng như đầu tư tiếp tục vào AI, điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu.

* Hiện tại, chúng tôi có giá mục tiêu cho DGW là 45.400 đồng/cổ phiếu.

DMX: Tổng Giám đốc hoàn tất mua 732.000 cổ phiếu

- Ngày 5/10/2026, ông Đoàn Văn Hiếu Em - Tổng Giám đốc DMX - báo cáo đã hoàn tất giao dịch mua 732.000 cổ phiếu DMX, tương đương toàn bộ khối lượng đã đăng ký.
- Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh trên sàn từ ngày 10/9 đến ngày 2/10/2026.
- Sau giao dịch, ông Đoàn Văn Hiếu Em đã nâng sở hữu tại DMX lên 4,8 triệu cổ phiếu, qua đó tăng tỷ lệ sở hữu từ 0,32% lên 0,38%.
- Ông hiện vẫn nắm giữ 1,26 triệu cổ phiếu MWG, tương đương tỷ lệ sở hữu 0,09%.

DMX: House of Future đem làn sóng công nghệ mới nhất đến Việt Nam

* CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh (DMX) vừa công bố sáng kiến mới mang tên "House of Future". DMX đặt mục tiêu thu hẹp "khoảng cách công nghệ" tại Việt Nam bằng cách giới thiệu các sản phẩm mới ngay sau khi chúng ra mắt trên toàn cầu. Các nhóm sản phẩm trọng tâm được ban lãnh đạo đề cập bao gồm robot gia dụng, trí tuệ nhân tạo (AI) thấu hiểu thói quen gia đình, phòng ngủ thông minh giúp theo dõi và tối ưu hóa giấc ngủ, cùng các công nghệ chăm sóc sức khỏe. Hiện tại, DMX chưa công bố chi tiết về hình thức ra mắt cũng như các thông tin tài chính liên quan đến House of Future.

* **Nhận định của chúng tôi:** Sáng kiến này đánh dấu sự chuyển hướng so với chiến lược chủ yếu mở rộng quy mô các nhóm hàng điện tử truyền thống. Chúng tôi tin rằng định hướng này sẽ củng cố hình ảnh thương hiệu dẫn đầu về công nghệ của DMX, đồng thời giúp công ty xác lập vị thế trong các phân khúc hàng tiêu dùng của tương lai. Các thị trường mục tiêu này hiện vẫn đang ở giai đoạn phát triển sơ khai nhưng được kỳ vọng sẽ trở nên quan trọng hơn trong trung và dài hạn.

* **Robot và thiết bị gia dụng thông minh:** Mặc dù thị trường robot vẫn còn ở giai đoạn đầu, Việt Nam đã ghi nhận nhu cầu đáng kể đối với robot hút bụi. Dữ liệu từ NIQ GfK cho thấy thị trường nội địa đạt doanh thu 2.400 tỷ đồng trong giai đoạn từ tháng 7/2025 đến tháng 6/2026, tăng 137,6% so với cùng kỳ năm trước. DMX hiện đã phân phối robot hút bụi, bao gồm các sản phẩm của Ecovacs, tại khoảng 1.500 cửa hàng. Statista dự báo doanh thu mảng nhà thông minh tại Việt Nam sẽ tăng từ 359 triệu USD năm 2024 lên 506 triệu USD vào năm 2028, tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 11,4%.

* **Kính và thiết bị đeo thông minh:** IDC dự báo lượng xuất xưởng kính thông minh toàn cầu sẽ đạt 13,6 triệu chiếc với doanh thu 5,1 tỷ USD vào năm 2026, và tăng lên mức 27,3 triệu chiếc vào năm 2030. Theo báo cáo của IDC, lượng xuất xưởng trong quý 1 năm 2026 đã tăng 167% so với cùng kỳ năm trước, đạt khoảng 2,25 triệu chiếc. Tại Việt Nam, tỷ lệ người dùng Internet sở hữu đồng hồ thông minh và vòng đeo tay thông minh trong năm 2024 lần lượt là 28,2% và 11,8%. Cơ sở người dùng thiết bị đeo hiện có này tạo tiền đề tiềm năng cho việc chuyển đổi sang các thiết bị cá nhân tích hợp AI thế hệ mới.

* **Các thiết bị phần cứng tích hợp AI đang tiến gần hơn với người tiêu dùng.** Gartner dự báo tỷ trọng máy tính cá nhân (PC) tích hợp AI trong tổng lượng xuất xưởng toàn cầu sẽ tăng từ 31% vào năm 2025 lên 98% vào năm 2030. Tổ chức này cũng kỳ vọng chi phí suy luận (inference cost) cho các mô hình có năng lực tương đương GPT-3.5 sẽ giảm từ 0,10 USD/triệu token vào năm 2025 xuống còn 0,005 USD vào năm 2030. Chúng tôi tin rằng việc chi phí suy luận giảm xuống sẽ giúp công nghệ AI chạy trực tiếp trên thiết bị (on-device AI) trở nên khả thi về mặt thương mại trên nhiều dòng sản phẩm và phân khúc giá khác nhau, qua đó thúc đẩy chu kỳ nâng cấp phần cứng thực sự trong trung và dài hạn.

NLG: Cập nhật thêm về Thông báo Kết luận Thanh tra số 3451/TB-TTTP của Thanh tra Chính phủ

Ngày 5/10/2026, CTCP Đầu tư Nam Long (NLG) đã tổ chức các buổi trao đổi trực tuyến với nhà đầu tư/chuyên viên phân tích bằng tiếng Việt và tiếng Anh nhằm cập nhật thêm thông tin liên quan đến Thông báo Kết luận Thanh tra số 3451/TB-TTTP của Thanh tra Chính phủ (xem [Công bố thông tin của NLG](#) ngày 30/9/2026).

Tóm tắt: Cuộc thanh tra được tiến hành vào đầu năm 2026 đối với 5 dự án của NLG. Các kết luận chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ tài chính, yêu cầu về hạ tầng và thủ tục hành chính, không có dấu hiệu vi phạm hình sự. Hoạt động kinh doanh của NLG vẫn ổn định và công ty đang chủ động xử lý các vấn đề còn tồn đọng, với tác động tài chính hạn chế.

Dưới đây là 5 dự án được đề cập trong Thông báo Kết luận Thanh tra số 3451/TB-TTTP, cùng thông tin cập nhật mới nhất của NLG đối với từng dự án:

1. Akari City (TP.HCM)

- **Trạm y tế (1.200 m²):** NLG đã đề xuất với cơ quan địa phương về hình thức đầu tư và vận hành.
- **Clubhouse (280 m²):** NLG đã nộp xong 357 triệu đồng kinh phí bảo trì.
- **Bảo lãnh ngân hàng:** NLG đã rút kinh nghiệm hồ sơ.

2. Waterpoint (Tây Ninh, Long An)

- **Cầu bộ hành nội khu:** NLG đã chủ động hoàn thành phá dỡ vào tháng 8/2026 do cây cầu không nằm trong quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt.
- **Tiến sử dụng đất bổ sung:** NLG chuẩn bị nộp tiền sử dụng đất theo thông báo vào tháng 9/2026 của UBND tỉnh, phát sinh từ việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 và dự kiến sẽ hoàn tất trong tháng 10/2026.

3. Izumi City (Đồng Nai)

- **Tiến sử dụng đất bổ sung (1 ha):** NLG dự kiến không phát sinh tiền sử dụng đất bổ sung đối với phần diện tích đất khu ở tăng thêm khoảng 1 ha, nhưng vẫn đang chờ xác nhận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.
- **Thời hạn đất trong hợp đồng mua bán:** Không ghi thời hạn để tránh hiểu lầm.

4. Mizuki Park (TP.HCM)

- **Quỹ bảo trì:** Đang thực hiện các thủ tục theo quy định để bàn giao quỹ bảo trì cho Ban Quản trị.
- **Công bố thông tin:** Thiếu sót khâu lưu trữ sơ bộ, đã bổ sung quy trình kiểm soát.

5. Nhà ở xã hội Nguyễn Sơn (TP.HCM; dự án đã hoàn thành)

- **Tiến sử dụng đất bổ sung (137 m²):** NLG đã nộp đầy đủ 1,5 tỷ đồng vào tháng 6/2026.
- **Giá nhà ở xã hội:** NLG đã gửi văn bản xin giải quyết đến Sở Xây dựng TP.HCM.

Tóm tắt báo cáo trong ngày

VVS: Tiếp tục hưởng lợi từ chu kỳ tăng trưởng thị trường xe tải - Báo cáo Công ty

Ngành	Bán lẻ chuyên doanh		2024	2025	2026F	2027E
Ngày báo cáo	5/10/2026	Tăng trưởng DT	71,8%	106,9%	79,6%	29,9%
Giá hiện tại	81.800 VND	Tăng trưởng EPS*	280,8%	369,3%	86,6%	-1,9%
Lợi suất cổ tức	0%	Biên LN gộp	7,2%	7,1%	7,4%	7,3%
		Biên LN ròng	1,8%	4,0%	4,4%	3,9%
		EV/EBITDA	16,9x	6,5x	6,5x	6,0x
		ROE	21,5%	63,9%	51,4%	33,6%
		P/E*	41,1x	8,8x	4,7x	4,8x
GT vốn hóa	3,5 nghìn tỷ đồng			VVS	Peers	VNI
Room KN	1,6 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		5,4x	5,9x	14,6x
GTGD/ngày (30n)	9,4 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		2,2x	1,4x	1,8x
Cổ phần Nhà nước	0%	ROE (trượt)		85,9%	24,5%	12,8%
SL cổ phiếu lưu hành	43,1 triệu	ROA (trượt)		9,6%	4,2%	2,0%
		*điều chỉnh cho phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tháng 7/2026				

* Năm 2026-2027, chúng tôi dự báo **nhu cầu xe tải trung & nặng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ** nhờ nhu cầu mở rộng đội xe phục vụ xây dựng và vận tải hàng hóa, cùng nhu cầu thay thế theo vòng đời khai thác và tiêu chuẩn khí thải ngày càng chặt chẽ.

* **VVS, với quy mô phân phối lớn, quan hệ chiến lược với Sinotruk và mạng lưới hậu mãi phủ rộng**, sẽ tiếp tục hưởng lợi từ chu kỳ tăng trưởng tích cực của thị trường xe tải trung & nặng tại Việt Nam. Chúng tôi dự báo sản lượng bán xe tăng 74%/28% svck trong 2026/2027F, qua đó hỗ trợ LNST-CDTS tiếp tục tăng trưởng 98%/16% svck.

* Trong trung hạn, **nhà máy lắp ráp VMASS sẽ là động lực tăng trưởng mới**. Việc chuyển từ phân phối sang lắp ráp trong nước có thể giúp VVS tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và cải thiện biên LN.

* VVS đang giao dịch ở P/E trượt 12T 5,4x, thấp hơn 8% so với trung vị của các công ty cùng ngành mà chúng tôi lựa chọn. Với triển vọng tích cực trong thời gian tới, chúng tôi ước tính P/E dự phóng của VVS đạt 4,7x/4,8x trong năm 2026/2027F.

* **Yếu tố hỗ trợ:** Nhà máy VMASS đi vào hoạt động sớm hơn dự kiến.

* **Rủi ro đầu tư:** (1) Nhu cầu xe tải thấp hơn dự kiến, (2) Rủi ro tập trung nhà cung cấp, (3) Rủi ro tỷ giá.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
F88	Tài chính TT	42%	415	0,3	46.200	98.000	112%	0,0%	112%	MUA	25/06/26	14,1	8,7	15,7	2,9
STK	Dệt may	83%	45	0,0	7.550	16.000	112%	0,0%	112%	KQ	17/01/25	13,5	7,1	10,8	0,7
HDC	Bất động sản	48%	89	0,5	10.100	21.400	112%	0,0%	112%	KQ	09/01/26	3,6	7,4	16,9	0,8
KDH	Bất động sản	26%	648	3,2	15.000	31.700	111%	0,0%	111%	MUA	28/08/26	16,9	11,7	16,9	0,9
PNJ	Bán lẻ	3%	427	10,3	21.650	42.900	98%	0,0%	98%	KQ	11/09/26	4,2	10,8	7,5	0,8
HDG	Điện & Nước	34%	230	0,6	14.650	28.700	96%	0,0%	96%	MUA	16/07/26	8,7	11,0	16,9	0,9
MWG	Bán lẻ	0%	4.229	10,4	74.400	140.000	88%	5,6%	94%	MUA	17/08/26	15,5	9,3	12,9	3,1
DPG	Điện & Nước	31%	119	0,3	26.100	48.900	87%	2,3%	90%	MUA	11/06/26	8,0	8,4	13,2	1,1
PTB	Công nghiệp	11%	114	0,1	29.400	52.000	77%	7,1%	84%	KQ	06/10/25	3,9	5,1	12,9	0,8
HVN	Hàng không	22%	2.439	0,6	20.350	37.100	82%	0,0%	82%	KQ	22/07/25	8,7	7,3	17,8	6,7
PLC	Dầu khí	-0%	57	0,1	18.300	31.900	74%	5,5%	80%	MUA	12/09/25	108,9	5,9	10,8	1,0
DMX	Bán lẻ	40%	3.760	2,0	77.000	130.600	70%	9,4%	79%	MUA	21/09/26	14,6	9,1	12,9	3,1
GEX	Điện & Nước	43%	1.169	11,6	23.200	40.500	75%	2,2%	77%	MUA	06/07/26	20,7	20,6	11,7	1,5
BMI	Bảo hiểm	24%	78	0,0	13.500	23.100	71%	3,7%	75%	MUA	12/04/24	9,0	5,4	13,9	0,7
NLG	Bất động sản	14%	405	2,7	21.700	36.800	70%	2,3%	72%	MUA	28/08/26	12,6	15,7	16,9	0,8
CTG	Ngân hàng	6%	8.870	8,9	29.650	48.800	65%	1,5%	66%	MUA	26/08/26	7,6	6,3	11,3	1,2
HPG	VLXD	27%	6.666	17,5	20.500	32.700	60%	2,9%	62%	MUA	18/08/26	11,4	7,0	12,9	1,2
IDC	KCN	34%	543	1,7	33.800	51.200	51%	8,9%	60%	MUA	13/08/26	7,4	7,2	16,9	2,1
MBB	Ngân hàng	1%	7.426	9,2	19.150	29.600	55%	2,6%	57%	MUA	21/05/26	6,6	5,5	11,3	1,2
SZC	KCN	19%	115	0,2	16.550	24.700	49%	6,0%	55%	KQ	01/07/26	9,4	22,7	16,9	0,9
VGC	KCN	48%	768	1,0	44.500	66.800	50%	4,9%	55%	MUA	11/05/26	15,0	12,5	13,2	2,4
ACG	Gỗ	12%	180	0,0	31.000	45.800	48%	5,5%	53%	MUA	15/07/25	9,8	7,7	12,9	1,1
DGC	Công nghiệp	46%	513	1,3	35.100	52.100	48%	2,8%	51%	KQ	20/07/26	4,7	7,0	10,8	0,8
FPT	CNTT	21%	4.496	19,7	61.900	90.300	46%	3,7%	50%	MUA	08/06/26	11,9	10,4	12,0	2,9
VRE	Bất động sản	38%	2.083	4,7	23.800	35.600	50%	0,0%	50%	MUA	04/09/26	8,4	9,7	16,9	1,1
PVS	Dầu khí	33%	782	5,1	33.100	49.000	48%	0,0%	48%	MUA	10/08/26	13,8	11,5	12,7	1,3

DXG	Bất động sản	34%	487	4,2	9.980	14.600	46%	0,0%	46%	MUA	28/08/26	56,1	59,1	16,9	0,9
QTP	Điện & Nước	-1%	187	0,0	10.800	14.600	35%	9,3%	44%	MUA	10/12/25	4,8	7,4	10,9	0,8
KBC	KCN	43%	905	1,7	24.950	34.600	39%	4,0%	43%	MUA	20/08/26	11,2	11,7	16,9	0,9
MSN	Bán lẻ	76%	4.010	13,4	71.300	101.200	42%	0,0%	42%	MUA	21/05/25	25,1	24,3	11,7	2,6
PHR	Công nghiệp	-10%	309	0,9	32.900	45.900	40%	2,2%	42%	MUA	15/07/26	18,3	5,1	10,8	1,7
NT2	Điện & Nước	40%	244	0,5	22.000	29.000	32%	9,1%	41%	MUA	10/08/26	5,9	6,3	10,9	1,3
POW	Điện & Nước	46%	1.495	4,0	12.650	17.800	41%	0,0%	41%	MUA	17/08/26	16,2	8,1	10,9	0,9
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.104	1,0	42.600	54.300	27%	11,7%	39%	MUA	01/10/26	12,7	10,9	11,7	2,8
CTR	CNTT	43%	349	0,6	70.800	96.800	37%	2,1%	39%	KQ	14/04/26	13,5	11,6	13,2	4,1
VTP	GTVT	45%	404	2,0	52.000	71.800	38%	0,0%	38%	PHTT	25/05/26	21,7	25,9	11,7	4,6
DXS	Bất động sản	45%	107	0,3	4.800	6.600	38%	0,0%	38%	PHTT	28/08/26	8,1	11,9	16,9	0,4
ACB	Ngân hàng	7%	4.695	6,2	21.000	28.000	33%	3,3%	37%	MUA	28/08/26	7,8	6,8	11,3	1,2
SSI	Chứng khoán	70%	2.271	17,5	19.650	25.800	31%	5,1%	36%	MUA	16/07/26	11,5	12,6	15,7	1,5
AST	DV Hàng không	3%	129	1,9	62.000	80.600	30%	5,6%	36%	MUA	26/08/25	11,2	10,8	12,9	4,7
VCB	Ngân hàng	10%	18.344	12,6	57.000	76.500	34%	0,8%	35%	MUA	11/09/26	14,7	11,2	11,3	1,9
TCB	Ngân hàng	2%	8.870	23,7	32.500	42.600	31%	3,1%	34%	MUA	12/08/26	9,1	7,9	11,3	1,3
TV2	Điện & Nước	-6%	66	0,1	25.350	33.000	30%	3,9%	34%	KQ	13/07/26	28,8	19,7	11,7	1,4
PPC	Điện & Nước	46%	106	0,0	8.590	11.000	28%	5,8%	34%	KQ	10/12/25	16,9	8,5	10,9	0,6
VPB	Ngân hàng	8%	8.858	27,4	23.000	30.200	31%	2,2%	33%	MUA	18/05/26	9,6	7,4	11,3	1,3
REE	Điện & Nước	0%	1.114	0,7	46.400	60.800	31%	2,2%	33%	MUA	20/08/26	11,4	10,1	11,7	1,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	50%	4.604	6,4	57.200	70.300	23%	7,0%	30%	MUA	24/04/25	12,7	13,6	11,7	3,8
TPB	Ngân hàng	8%	1.462	5,0	11.900	14.700	24%	4,2%	28%	MUA	15/09/26	5,1	4,7	11,3	0,8
SIP	KCN	47%	454	0,1	48.650	58.900	21%	6,2%	27%	MUA	20/07/26	9,5	9,5	16,9	2,4
PC1	Điện & Nước	42%	310	1,8	19.550	24.700	26%	0,0%	26%	KQ	21/07/26	8,7	13,3	13,2	1,2
GMD	GTVT	10%	1.297	3,8	77.800	95.800	23%	2,8%	26%	MUA	24/08/26	21,1	11,5	11,7	2,5
BMP	VLXD	18%	449	0,4	142.500	163.000	14%	10,9%	25%	MUA	17/06/26	9,6	9,1	13,2	4,1
NKG	VLXD	46%	181	0,6	9.520	11.900	25%	0,0%	25%	PHTT	18/04/25	23,8	8,1	12,9	0,6
BWE	Điện & Nước	47%	394	0,2	40.750	49.600	22%	3,2%	25%	KQ	14/08/26	10,5	10,7	10,9	1,4

DHC	Công nghiệp	15%	158	0,7	38.550	45.800	19%	5,2%	24%	MUA	16/09/26	10,4	7,2	12,9	1,6
FRT	Bán lẻ	16%	1.012	4,4	147.000	181.400	23%	0,0%	23%	MUA	22/09/26	33,2	19,1	12,9	5,5
PVD	Dầu khí	42%	638	6,1	17.850	22.000	23%	0,0%	23%	KQ	21/08/26	18,4	18,0	12,7	1,0
BID	Ngân hàng	13%	10.365	5,6	34.600	42.600	23%	0,0%	23%	KQ	30/09/26	9,7	9,2	11,3	1,4
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	82%	407	0,8	50.500	58.600	16%	5,9%	22%	KQ	30/07/26	8,0	7,4	11,7	1,1
NVL	Bất động sản	45%	1.301	10,9	10.550	12.700	20%	0,0%	20%	MUA	01/10/26	17,9	19,3	16,9	0,6
MCH	Bán lẻ	84%	7.050	3,3	140.000	163.000	16%	3,7%	20%	PHTT	28/11/25	27,1	24,6	11,7	9,7
BSR	Lọc hóa dầu	47%	5.863	15,8	30.400	35.800	18%	2,3%	20%	MUA	28/09/26	29,2	6,3	12,7	2,0
HDB	Ngân hàng	5%	5.407	20,8	28.050	33.000	18%	1,8%	19%	MUA	06/03/26	7,8	6,7	11,3	1,6
PLX	Xăng dầu	6%	1.769	7,3	35.500	41.100	16%	3,4%	19%	MUA	13/10/25	18,4	15,4	12,7	1,8
GAS	Dầu khí	47%	7.342	5,4	79.000	90.000	14%	3,8%	18%	MUA	29/07/26	17,6	14,9	10,9	2,8
DPM	Phân bón	47%	566	3,4	21.600	23.900	11%	6,9%	18%	KQ	04/09/26	16,5	10,3	10,8	1,3
DCM	Phân bón	43%	663	4,6	32.500	35.800	10%	6,2%	16%	MUA	04/09/26	9,5	8,3	10,8	1,5
SCS	DV Hàng không	22%	159	0,2	43.100	43.400	1%	12,8%	13%	PHTT	22/09/26	5,4	5,4	17,8	2,7
VIB	Ngân hàng	1%	1.928	5,2	13.400	14.700	10%	3,7%	13%	KQ	18/08/26	6,9	5,5	11,3	1,1
BVH	Bảo hiểm	22%	2.167	2,5	75.800	83.600	10%	1,3%	12%	MUA	11/06/26	20,3	13,9	13,9	2,2
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	736	0,6	51.700	53.400	3%	7,7%	11%	KQ	30/08/24	9,9	7,4	11,7	1,8
ACV	Hàng không	47%	5.410	0,5	39.200	43.300	10%	0,0%	10%	PHTT	19/08/26	12,5	12,4	11,7	1,9
HSG	VLXD	46%	311	0,8	10.000	10.400	4%	5,0%	9%	PHTT	18/04/25	12,9	13,8	12,9	0,7
TLG	Văn phòng phẩm	90%	200	0,4	53.900	56.100	4%	4,6%	9%	KQ	23/09/26	11,7	11,3	7,5	2,0
VHM	Bất động sản	44%	21.610	31,8	68.300	74.000	8%	0,0%	8%	PHTT	28/08/26	13,4	9,4	16,9	2,1
PVT	Dầu khí	34%	482	6,7	24.200	25.200	4%	4,1%	8%	MUA	13/08/26	12,6	8,0	11,7	1,3
STB	Ngân hàng	19%	4.937	16,1	68.000	73.500	8%	0,0%	8%	PHTT	15/09/26	23,9	21,5	11,3	2,0
GVR	Công nghiệp	-1%	5.038	3,2	32.700	32.100	-2%	1,2%	-1%	PHTT	20/07/26	24,6	19,1	10,8	2,2
TDM	Điện & Nước	49%	281	0,0	59.800	57.700	-4%	2,2%	-1%	PHTT	14/08/26	34,4	34,3	10,9	2,4
DGW	Bán lẻ	21%	408	3,6	47.400	45.400	-4%	2,1%	-2%	KQ	18/06/26	19,1	16,3	12,9	2,8
OIL	Dầu khí	6%	525	1,5	13.200	12.700	-4%	0,8%	-3%	KQ	17/10/25	32,2	29,1	12,7	1,3

VEA	Ô-tô	-1%	1.921	0,5	37.500	30.800	-18%	12,9%	-5%	PHTT	28/10/25	6,8	7,0	11,7	2,1
LPB	Ngân hàng	3%	4.947	6,2	43.000	39.300	-9%	2,3%	-6%	KKQ	18/11/25	11,3	11,9	11,3	3,0
VJC	Hàng không	24%	3.815	6,3	128.800	114.000	-11%	0,0%	-11%	KQ	15/03/24	35,9	14,4	17,8	3,8
VIC	Bất động sản	45%	69.359	40,2	232.000	117.000	-50%	0,0%	-50%	BÁN	14/09/26	152,7	67,9	16,9	10,6

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	49	131.379	2.681	19	14,7	11,3	8,7	15,7	1,6	25,1	15,9	11,2	1,8	3,6%
KHẢ QUAN	22	24.556	1.116	3	10,9	10,3	9,3	12,8	1,6	19,6	13,4	11,8	1,7	2,9%
PHÙ HỢP TT	12	47.408	3.951	3	17,2	15,3	12,1	16,5	2,3	17,9	17,9	16,1	2,6	3,1%
KÉM KHẢ QUAN	1	4.947	4.947	0	13,9	11,3	11,9	10,4	3,0	13,9	11,3	11,9	3,0	2,3%
BÁN	1	69.359	69.359	1	145,0	152,7	67,9	77,0	10,6	145,0	152,7	67,9	10,6	0,0%
TỔNG CỘNG	85	277.649	3.266	26	18,7	15,4	12,1	16,9	2,2	23,9	17,1	12,8	2,0	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	86.110	7.176	11	11,0	9,6	8,1	12,6	1,5	10,7	10,0	8,7	1,5	2,1%
Bảo hiểm	2	2.245	1.123	1	25,5	19,4	13,2	21,8	2,0	18,3	14,6	9,6	1,4	2,5%
Chứng khoán	1	2.271	2.271	1	15,7	11,5	12,6	15,1	1,5	15,7	11,5	12,6	1,5	5,1%
Tài chính thay thế	1	415	415	0	29,0	14,1	8,7	30,0	2,9	29,0	14,1	8,7	2,9	0,0%
Tiêu dùng	14	31.218	2.230	4	17,9	15,0	12,8	20,4	3,3	22,7	15,3	13,1	3,2	5,2%
CNTT	1	4.496	4.496	1	14,5	11,9	10,4	17,4	2,9	14,5	11,9	10,4	2,9	3,7%
Bất động sản	9	96.090	10.677	2	59,9	38,4	25,8	26,4	4,2	33,4	32,2	23,6	2,0	0,3%
Vật liệu	4	7.607	1.902	1	14,5	11,5	7,3	17,7	1,2	12,7	14,4	9,5	1,7	4,7%
Điện & Nước	12	5.716	476	1	19,3	12,5	10,7	17,9	1,2	25,0	14,6	13,2	1,2	3,3%
Dầu khí	10	18.686	1.869	2	27,0	19,4	10,0	22,5	2,0	46,6	27,7	12,8	1,5	3,3%
Công nghiệp	5	1.010	202	0	6,6	5,8	6,9	8,6	0,9	22,1	8,5	6,8	1,0	4,1%
Khu công nghiệp	7	8.132	1.162	1	22,8	16,7	13,8	19,1	1,9	21,4	13,6	12,6	1,8	4,8%
GTVT & Logistics	7	13.653	1.950	1	13,0	14,5	11,3	17,3	2,8	16,6	16,6	12,5	3,8	3,0%
TỔNG CỘNG	85	277.649	3.266	26	18,7	15,4	12,1	16,9	2,2	23,9	17,1	12,8	2,0	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID	15%	8%	KQ		NIM hồi phục trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi
CTG	37%	17%	MUA		Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	33%	17%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB	26%	20%	MUA		Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng
STB	-50%	11%	PHTT		KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB	5%	5%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo
VCB	37%	19%	MUA		Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh
VIB	7%	16%	KQ	KQ	NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	15%	68%	MUA		EPS tăng 15% YoY nhờ tăng trưởng phí bảo hiểm
BVH	36%	33%	MUA		Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng
SSI	28%	-7%	MUA		KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động
F88	109%	62%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
Tiêu dùng					
CTR	21%	17%	KQ		KQKD quý 2 tiếp tục khả quan nhờ tăng trưởng từ mảng xây dựng và giải pháp điện năng lượng mặt trời
DGW	130%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp
FRT	119%	74%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MSN (2)	188%	42%	MUA		Mức lợi nhuận cao kỷ lục đưa ROE nửa đầu năm 2026 lên mức 19%, trong khi tỷ lệ nợ thuần/EBITDA giảm xuống mức 2,4 lần

MCH	12%	14%	PHTT		Doanh thu và lợi nhuận Q2 2026 phục hồi YoY từ nền thấp nhưng thấp hơn kỳ vọng
MWG	88%	18%	MUA		Doanh thu tăng 30% YoY trong Q2 2026, doanh thu/cửa hàng BHX cải thiện; LNST 6T gần gấp đôi YoY
DMX	98%	61%		MUA	Năm trụ cột dự nên giai đoạn tăng trưởng tiếp theo
PNJ	11%	-61%	PHTT	KQ	Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại
QNS	2%	33%	KQ		LNTT Q2 2026 tăng 7% YoY, sửa thực vật tăng trưởng mạnh; giá đường thấp hạn chế lợi nhuận
SAB	18%	1%	MUA		Biên lợi nhuận gộp vẫn vững vàng nhưng chi phí A&P gây áp lực lên lợi nhuận quý 2
TLG	4%	20%	MUA		Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
VEA	17%	-7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang
VHC	9%	7%	MUA	KQ	Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp
VNM	38%	6%	MUA		LNST sơ bộ Q2 2026 tăng 28% YoY nhân kỷ niệm 50 năm
GTVT & Logistics					
ACV	11%	-3%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
AST	52%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng
GMD (2)	22%	31%	MUA	MUA	KQKD tốt hơn của cụm cảng phía Nam so với phía Bắc dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi năm 2026
HVN	-43%	19%	PHTT		Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
SCS	1%	0%	PHTT	PHTT	Việc dự án Long Thành giả định đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2027 sẽ gây áp lực lên lợi nhuận, được bù đắp một phần nhờ mức lợi suất cổ tức cao
VJC	4%	N.A	KQ		Gián đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu bảo cáo
VTP	-40%	-16%	PHTT		Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp
Bất động sản					
DXG	-30%	-5%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp
DXS	-40%	-32%	KQ	PHTT	Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng
HDC	41%	-51%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương
NVL	N.M.	-7%	MUA	MUA	Dự kiến bàn giao tăng tốc, khôi phục lại hoạt động bán hàng từ năm 2027
KDH	218%	45%	MUA	MUA	Dự án Gladia và Bình Trưng Đông thúc đẩy triển vọng doanh số bán BĐS giai đoạn 2026-27
NLG	-53%	-20%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán và bàn giao dự kiến sẽ tăng tốc, qua đó hỗ trợ cho đà tăng trưởng của lợi nhuận
VHM	372%	43%	PHTT	PHTT	Đẩy mạnh hoạt động bán lẻ lớn tại các đại dự án; tiềm năng từ các dự án hạ tầng chưa được đưa vào dự báo

VIC	182%	125%	BÁN	BÁN	Lợi nhuận mảng BĐS tích cực, doanh số xe điện tăng trưởng ổn định, nhu cầu huy động vốn gia tăng
VRE	33%	-13%	PHTT	MUA	Hoạt động cho thuê duy trì ổn định trong nửa cuối năm 2026; mảng bán BĐS mới đóng góp từ năm 2027
Khu công nghiệp					
GVR	73%	15%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	37%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng
KBC	-80%	-5%	MUA	MUA	Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bàn giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao
PHR	245%	118%	MUA		Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng
SIP	18%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
SZC	-84%	-59%	KQ		Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	27%	19%	MUA		Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo
BMP	9%	5%	MUA		Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng
DGC	-52%	-33%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 52% YoY do sản lượng giảm YoY và áp lực chi phí; kế hoạch ĐHCĐ năm 2026 cho thấy rủi ro giảm dự báo
DHC	99%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng
HPG (2)	49%	37%	MUA	MUA	Triển vọng lợi nhuận tích cực được duy trì cùng với mức định giá hấp dẫn
HSG (1)	5%	-5%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi
NKG	102%	480%	PHTT		Lợi nhuận quý 2/2026 tăng mạnh nhờ sản lượng phục hồi và biên lợi nhuận cải thiện; tuy nhiên, lợi nhuận 6T vẫn thấp hơn so với dự báo
PTB	17%	-19%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo
STK	N.M.	231%	KQ		Sự phục hồi của sản lượng vẫn chưa đủ bù đắp gánh nặng khấu hao và chi phí lãi vay từ Unitex
Điện & Nước					
BWE (2)	8%	-12%	MUA	KQ	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX	-19%	1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
HDG	-27%	22%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo giảm YoY do các chi phí bất thường; dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm nhẹ
NT2	60%	-6%	MUA	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng

PC1	72%	-34%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T giảm nhẹ YoY; tuy nhiên sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
POW	350%	101%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PPC	184%	99%	KQ		LNST báo cáo 6T 2026 tăng 2,8 lần YoY nhờ thu nhập cổ tức; lợi nhuận mảng phát điện vẫn thấp hơn kỳ vọng
QTP	44%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng
REE	9%	17%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino
TDM (2)	-47%	18%	KQ	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ		LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG	12%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
VGC	3%	12%	MUA		LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bán giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đa phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí					
BSR	1194%	363%	PHTT	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng
DCM (2)	55%	61%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DPM	117%	82%	PHTT		LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm
GAS	17%	10%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi
OIL (2)	95%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLX (2)	39%	19%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLC	186%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
PVD (2)	70%	30%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo
PVS (2)	-32%	6%	MUA	MUA	LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PVT (2)	65%	58%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.753,20	15,49
VN 30	1.894,46	18,47
VN Mid	1.806,38	-3,13
VNSmall	1.222,31	0,48

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	269,62	2,87
HNX30	430,19	-3,61
VNX Allshare	2.769,76	19,03

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	125,49	-0,44

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.375,0	25,0%
Khối ngoại mua	1.170,4	8,7%
Khối ngoại bán	1.452,2	10,7%
Tổng giao dịch	13.522,5	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	635,2	52,4%
Khối ngoại mua	15,3	1,3%
Khối ngoại bán	16,0	1,3%
Tổng giao dịch	1.212,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	66,1	16,9%
Khối ngoại mua	4,6	1,2%
Khối ngoại bán	6,0	1,5%
Tổng giao dịch	392,0	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
LPB	2.800	7,0%
DGW	2.800	6,3%
BFC	2.900	5,3%
PGC	700	4,8%
GEE	2.800	4,1%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
NVB	1.500	10,0%
EVS	500	9,4%
TNG	700	4,2%
DXP	500	3,6%
PSD	400	3,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TVN	424	4,7%
PHP	1.845	3,9%
DRI	437	2,7%
MVN	1.619	2,5%
VGX	185	1,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PNJ	-1.400	-6,1%
TVS	-850	-5,9%
ELC	-650	-5,3%
VPI	-1.900	-3,2%
ASP	-450	-2,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SHN	-400	-5,0%
PVC	-300	-2,5%
HUT	-300	-2,4%
SHS	-300	-2,3%
CEO	-200	-1,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
F88	-2.901	-5,9%
VIW	-742	-3,7%
HBC	-104	-3,2%
C4G	-121	-2,6%
SCL	-707	-2,5%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HPG	675,8
TCB	629,1
VHM	611,1
VIC	531,4
SSI	485,5

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
IDC	577,8
SHS	111,1
HUT	83,7
VC3	61,5
NVB	58,1

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	100,2
AAS	62,5
DRI	38,4
PHP	26,4
VEA	21,3

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TAL	5.377.581	316.352
ASG	4.507.432	302.950
VTO	2.427.965	282.290
ST8	528.686	103.657
HSL	2.859.704	605.260
CKG	306.495	91.438
ABS	453.480	142.191
HCM	15.308.013	4.974.425
GMD	3.620.624	1.270.090
TVS	561.731	197.697

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
IDC	16.540.010	1.332.942
TNG	1.025.542	274.438
NVB	3.713.083	1.168.274
DXP	524.468	195.441
TIG	1.720.470	803.105
VC3	2.625.900	1.333.958
VGS	225.280	122.642
PSD	100.199	61.610
EVS	704.192	456.360
HDA	308.531	210.304

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
AVG	365.000	68.275
TVN	1.467.152	373.181
PHP	537.634	210.182
AAS	6.685.669	2.638.884
VGX	583.141	270.131
F88	272.092	127.915
SDA	118.046	56.535
C4G	288.695	148.950
DRI	2.323.860	1.232.220
VEA	567.315	334.619

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.267		13,3	1,7	14,1%
TCX	3.562	91,5%	15,0	2,0	13,7%
VCK	2.558	96,4%	14,3	2,1	17,2%
SSI	2.269	70,0%	11,2	1,5	13,4%
VPX	1.710	96,1%	8,2	1,2	16,2%
HCM	1.235	14,2%	17,7	1,8	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	653		11,7	1,5	13,0%
BVH	2.165	22,0%	17,0	2,2	13,3%
PVI	653	43,1%	12,8	1,9	15,2%
BIC	169	7,5%	10,2	1,3	13,1%
VNR	147	22,8%	8,3	0,9	11,3%
MIG	130	82,6%	10,1	1,2	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.691		14,7	3,5	25,6%
ACV	5.405	47,3%	12,6	1,9	15,7%
MVN	3.078	0,0%	28,5	5,2	19,4%
VEA	1.919	-1,4%	6,5	2,1	28,1%
GEE	1.757	48,9%	12,8	5,7	45,7%
GMD	1.296	10,0%	12,9	2,5	19,3%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.712		17,6	4,1	24,6%
MCH	7.043	84,0%	25,8	9,7	40,1%
VNM	4.600	50,2%	10,9	3,8	33,9%
MSN	4.007	75,7%	15,4	2,6	19,4%
SAB	2.102	41,2%	11,4	2,8	22,3%
SBT	809	76,0%	24,6	1,7	7,3%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.914		13,7	1,5	13,8%
BSR	5.858	47,4%	7,7	2,0	30,5%
PLX	1.768	5,7%	14,1	1,8	12,5%
PVS	782	33,1%	9,6	1,3	14,0%
PVD	637	41,9%	14,9	1,0	6,5%
OIL	525	6,3%	22,3	1,3	5,7%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.350		11,0	2,1	19,5%
GAS	7.335	46,9%	15,0	2,8	18,9%
POW	1.493	46,1%	6,2	0,9	16,2%
REE	1.113	0,0%	11,0	1,3	12,6%
PGV	980	50,0%	5,2	1,4	28,3%
DNH	829	0,0%	18,0	3,9	21,8%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	19.443		75,7	5,1	28,4%
VIC	69.297	44,9%	84,3	10,6	13,9%
VHM	21.591	43,6%	7,0	2,1	32,6%
KSF	2.635	50,0%	4,5	3,2	77,2%
VRE	2.081	38,0%	7,5	1,1	15,0%
THD	1.612	48,9%	275,1	8,3	3,3%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.052		8,3	1,4	18,3%
VCB	18.327	10,1%	11,4	1,9	17,9%
BID	10.356	12,5%	8,1	1,4	18,2%
TCB	8.862	1,9%	8,5	1,3	15,7%
CTG	8.862	5,6%	5,7	1,2	21,9%
VPB	8.851	7,7%	7,7	1,3	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.917		26,2	4,0	20,7%
VPL	5.355	42,5%	46,1	3,1	7,8%
MWG	4.225	0,0%	11,2	3,1	29,2%
VJC	3.812	23,9%	45,5	3,8	8,6%
DMX	3.756	40,0%	15,1	3,1	0,0%
HVN	2.437	21,6%	13,1	6,7	58,1%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.243		13,9	2,9	27,0%
HPG	6.660	27,4%	7,5	1,2	17,4%
GVR	5.033	-0,6%	18,7	2,2	12,0%
MSR	2.568	94,0%	27,4	4,6	19,0%
KSV	1.293	0,0%	9,6	5,1	62,9%
DCM	662	43,1%	6,6	1,5	23,6%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	239		35,6	2,8	15,8%
DHG	451	46,0%	12,2	3,4	24,1%
IMP	218	5,4%	15,7	2,4	15,6%
DHT	199	9,3%	128,8	4,7	3,7%
DBD	170	83,3%	15,2	2,5	16,6%
DVN	157	-0,0%	5,9	1,1	18,9%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	975		32,2	1,3	10,5%
FPT	4.492	20,6%	11,6	2,9	26,5%
CMG	188	13,7%	12,4	1,5	12,3%
SAM	94	48,5%	21,6	0,6	2,8%
ELC	53	45,7%	10,2	1,0	10,5%
SGT	51	-5,5%	105,0	0,6	0,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

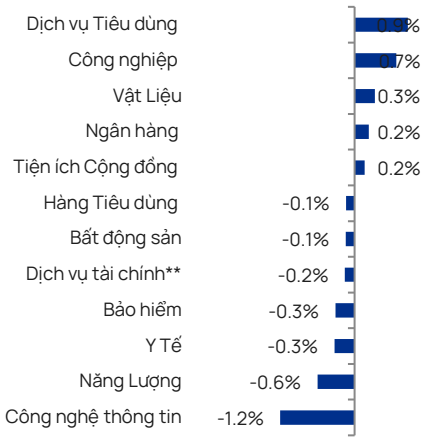
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

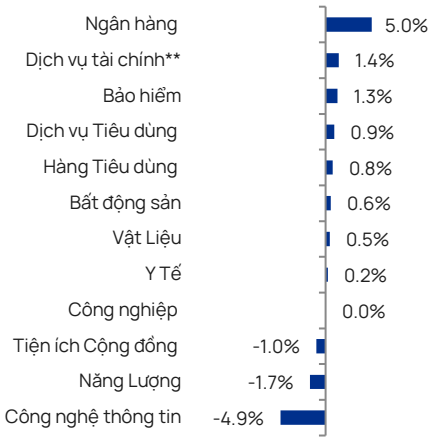
Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

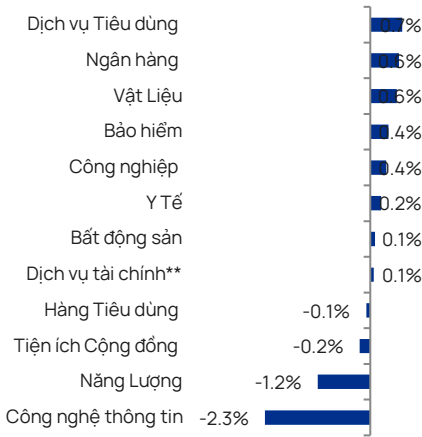


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



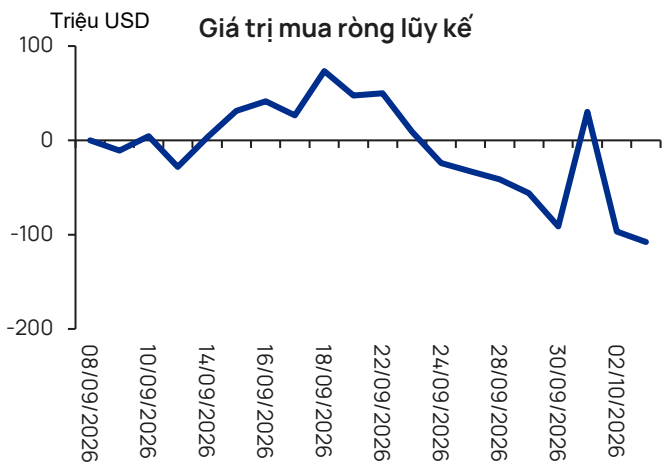
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



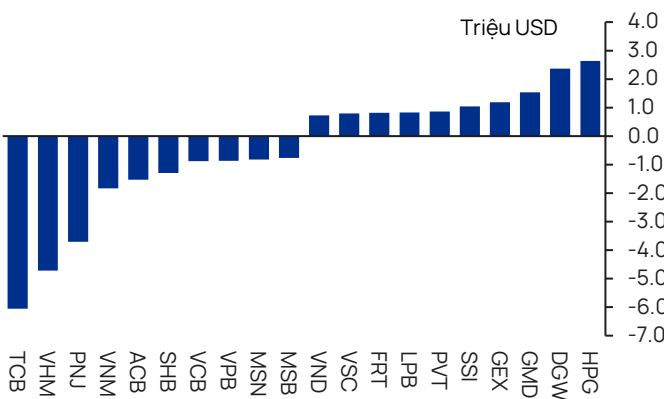
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



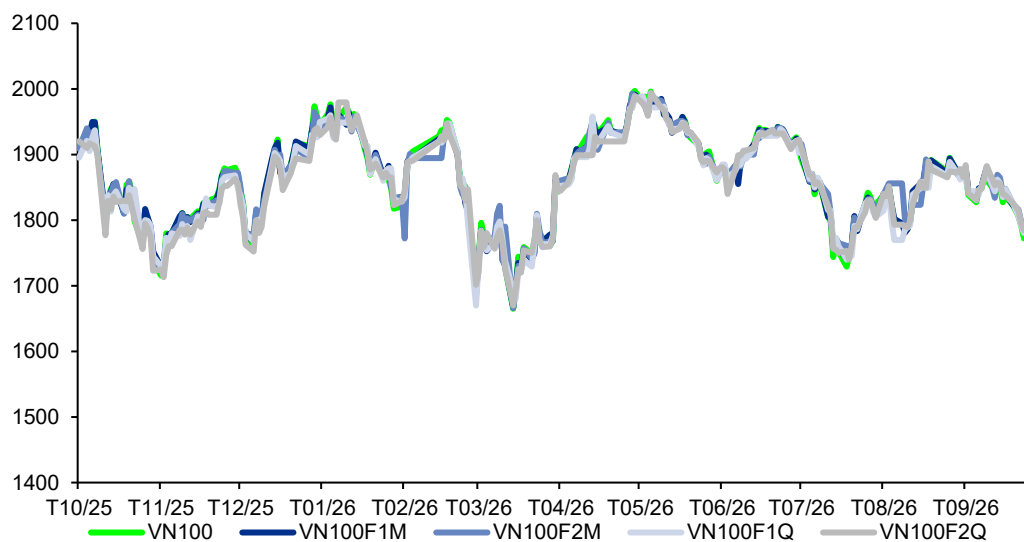
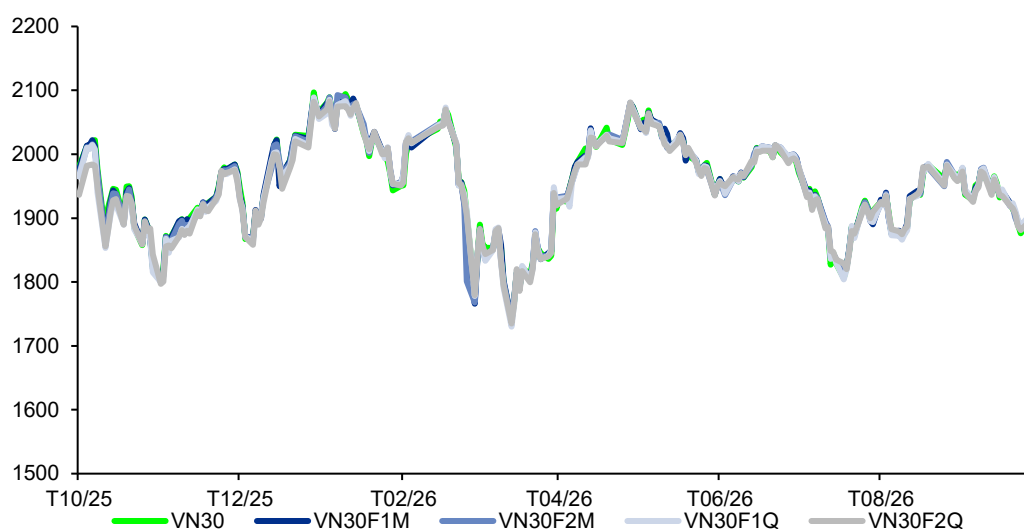
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.900,1	15,1	0,8%	24,1
VN30F2M	1.902,0	19,2	1,0%	26,0
VN30F1Q	1.902,5	14,0	0,7%	26,5
VN30F2Q	1.893,1	12,1	0,6%	17,1
VN100F1M	1.793,0	7,4	0,4%	21,0
VN100F2M	1.778,5	-12,6	-0,7%	6,5
VN100F1Q	1.792,1	11,6	0,7%	20,1
VN100F2Q	1.786,0	1,1	0,1%	14,0

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	38.043	5,3%	214,67	-15,2%
VN30F2M	1.484	18,8%	0,36	-31,3%
VN30F1Q	736	-3,4%	0,05	-75,1%
VN30F2Q	333	5,4%	0,03	-57,7%
VN100F1M	126	-17,6%	0,09	-2,2%
VN100F2M	6	20,0%	0,03	1.250,0%
VN100F1Q	39	25,8%	0,20	-2,4%
VN100F2Q	20	-28,6%	0,00	-94,4%

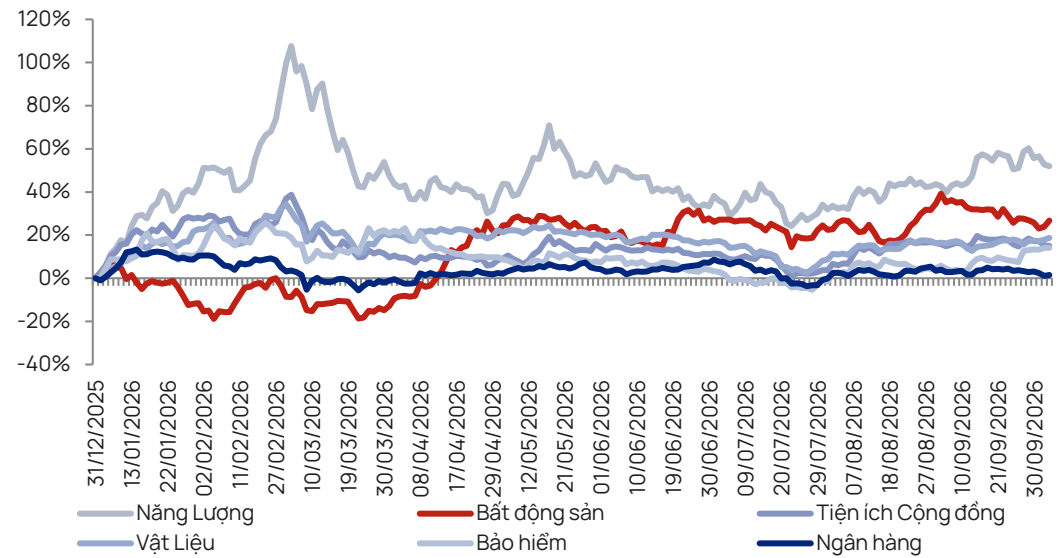


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

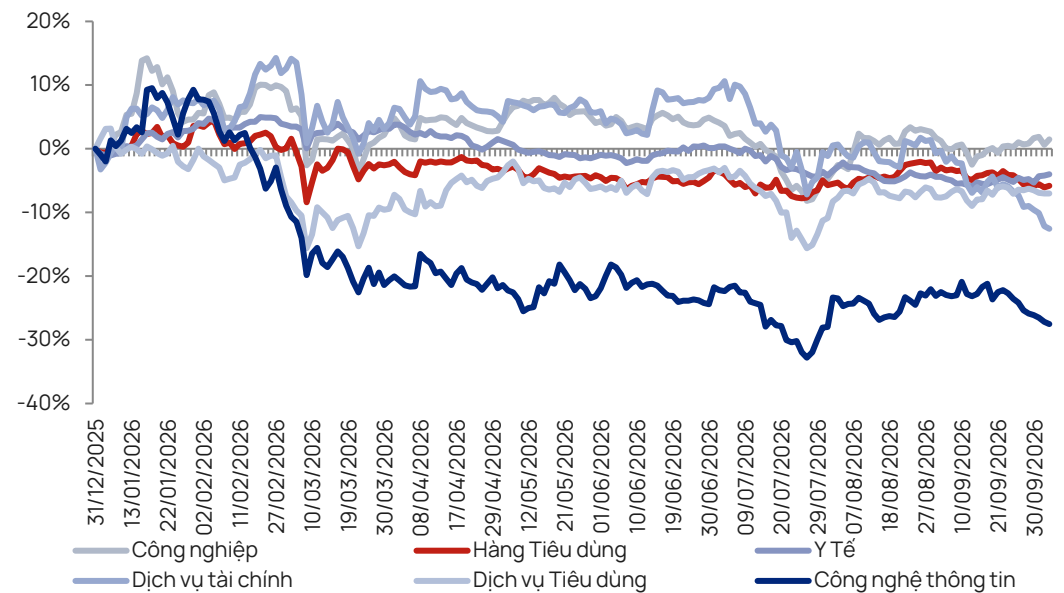
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



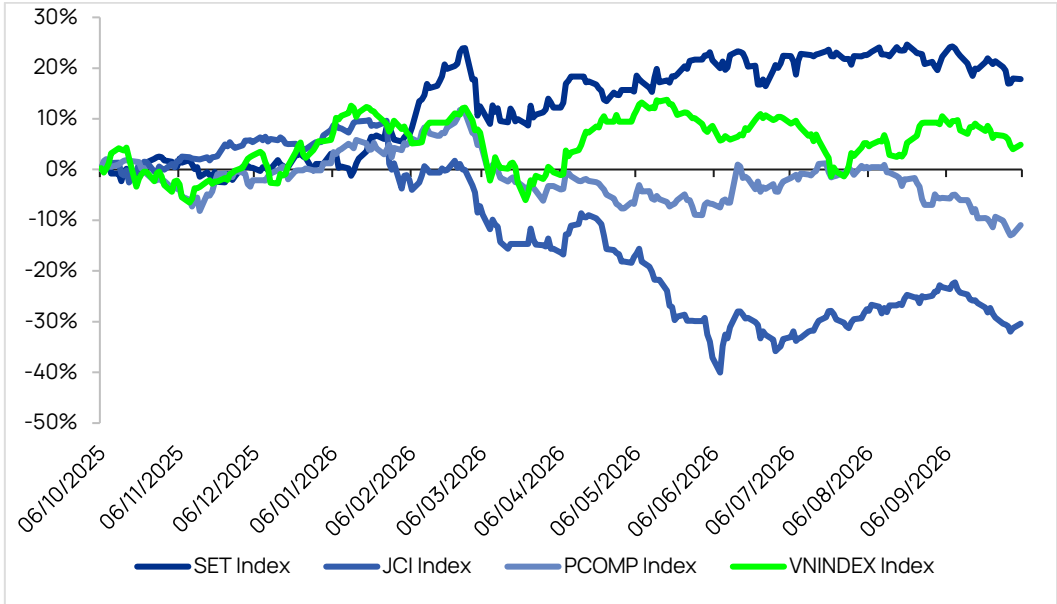
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



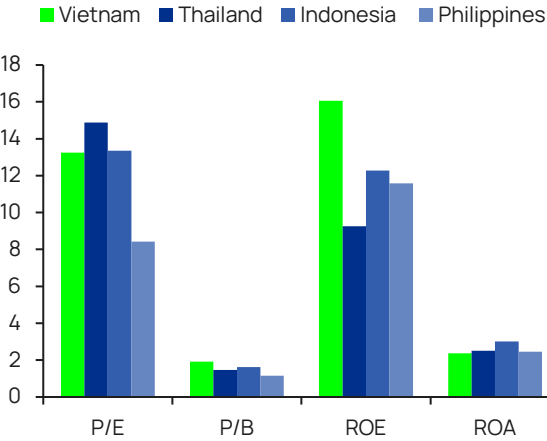
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	14,9	13,4	8,4	13,2
P/B	1,5	1,6	1,2	1,9
ROE (%)	9,3	12,3	11,6	16,1
ROA (%)	2,5	3,0	2,5	2,4
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	583,3	578,7	128,2	324,8
GTGD trung bình, tr USD	1.765,2	1.104,2	81,1	790,9
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	682,7	-4.750,2	-577,0	-3.771,6
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(679,2)	(217,9)	(71,9)	(187,4)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,80%	7,07%	7,28%	4,30%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

- Nguyễn Thị Thùy Dương, Chuyên viên, ext 132

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thục, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.